

A, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Số: 260/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 338/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa: Anh Trần Văn T; địa chỉ: Đội X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và chị Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: Anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thành L – sinh ngày 29 tháng 10 năm 2012; chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Nam P - sinh ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Trần Ngọc Bảo T2 - sinh ngày 27 tháng 8 năm 2017; Anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T1 2.000.000đồng/tháng.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung Trần Nam Phong đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T nộp cả 150.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Anh Trần Văn T đã nộp 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0012817 ngày 13 tháng 10 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Duy Thạch